

CLASSIC FOR INT

Mô tả sản phẩm

Đây là loại sơn phủ nội thất có bề mặt mịn và che phủ tốt. Sản phẩm này có bề mặt hoàn thiện mịn.

Đặc điểm và lợi ích

- . Che phủ tốt - Cho khả năng che phủ tốt để che phủ các khuyết điểm bề mặt.
- . Dễ thi công - Thi công hiệu quả và mang lại 1 bề mặt hoàn thiện nhẵn mịn

Thông số kỹ thuật

Thành phần

Nhũ tương gốc Acrylic cho sơn phủ nội thất, bột khoáng, nước và hỗn hợp phụ gia.

Công thức không chứa các chất gây hại - Không chứa hóa chất độc hại và ô nhiễm – Không chứa chì, thủy ngân và kim loại nặng.

Thông số sản phẩm

| | |
|--------------------------|---|
| Kích cỡ đóng gói | 5 lít và 18 lít |
| Màu sắc | Như trên quạt màu tiêu chuẩn và trong hệ thống pha màu vi tính của Pigment. |
| Thể tích chất rắn | 55 ± 2 theo thể tích % |

Định mức phủ cho mỗi lớp

Định mức lý thuyết : 11 m²/l - 14 m²/l

Định mức phủ phụ thuộc vào chiều dày sơn thi công, bề mặt rỗ hay gồ ghề, nhiệt độ, hao hụt trong quá trình sơn, v.v...

Chiều dày đề nghị cho mỗi lớp

Chiều dày ướt : 95 μm – 120 μm (micron)

Chiều dày khô : 30 μm - 40 μm (micron)

Chiều dày màng sơn sẽ thay đổi và được tính theo giá trị trung bình.

Thời gian khô

Thời gian khô thường sẽ liên quan và bị ảnh hưởng bởi sự thông thoáng không khí, nhiệt độ, chiều dày sơn và số lớp sơn. Các số liệu đưa ra dưới đây dựa trên các điều kiện sau:

Thông gió tốt - Tiếp xúc ngoài trời hoặc lưu thông không khí tự do.

Chiều dày màng sơn tiêu biểu

Một lớp sơn trên bề mặt chưa xử lý.

Các thông số trên chỉ mang tính chất tham khảo. Thực tế, thời gian khô và thời gian để sơn lớp kế có thể dài hơn hay



ngắn hơn, phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường, chiều dày sơn, thông gió, độ ẩm,...

1. Các thông số hướng dẫn này được áp dụng khi sơn cùng chủng loại sơn.
2. Trong trường hợp sơn làm nhiều lớp, thời gian khô sẽ bị ảnh hưởng bởi số lớp sơn, thứ tự lớp sơn và tổng chiều dày các lớp sơn trước.
3. Bề mặt phải sạch, khô và không chứa bất kỳ tạp chất nào trước khi tiến hành thi công sơn lớp kế. Thời gian khô thường sẽ liên quan và bị ảnh hưởng bởi sự thông thoáng không khí, nhiệt độ, chiều dày sơn và số lớp sơn.

Thời gian khô được đo lường theo những giá trị được công bố. Độ ẩm tương đối (RH) 50%

| | | | |
|-------------------------------------|-------|-------|-------|
| Nhiệt độ bề mặt | 10 °C | 25 °C | 40 °C |
| Khô bề mặt | 2 h | 1 h | 0.5 h |
| Khô cứng | 8 h | 6 h | 4 h |
| Khô để sơn lớp kế, tối thiểu | 4 h | 2 h | 1 h |

Hướng dẫn sử dụng

Hệ thống sơn đề nghị

| Loại | Tên sản phẩm | Số Lớp |
|-----------------|---|-----------|
| Bột trét | HIGHT PUTTY POWDER INTERIOR - Bột Trét Tường Nội Thất Cao Cấp | 1 – 2 lớp |
| Sơn lót | ALKALI PRIMER INT - LÓT KHÁNG KIỀM NỘI THẤT | 1 – 2 lớp |
| Sơn phủ | CLASSIC FOR INT – SƠN NỘI THẤT CAO CẤP | 2 – 3 lớp |

Đề nghị sử dụng

Cho bề mặt nội thất, thích hợp sử dụng cho bề mặt mới hay đã sơn.

Điều kiện trong thi công sơn

Tường phải được xử lý trước khi sơn, tất cả bề mặt được sơn phải sạch và khô. Độ ẩm của bề mặt dưới 16% theo máy đo Protimeter hay bề mặt tường phải khô từ 21 đến 28 ngày trong điều kiện bình thường

Tường không bám bụi, dầu mỡ, phải loại bỏ lớp sơn cũ bị bong tróc. Nếu bề mặt được sơn bị rêu mốc phải diệt hết rêu mốc. Khuấy đều trước khi dụng sơn và đọc kỹ hướng dẫn sử dụng

Chuẩn bị bề mặt

Bề mặt cần sơn phải không bị hư hại, sạch, không có bụi, dầu mỡ và nhựa xi măng, v.v... Đối với bề mặt bẩn và bị phân hoá, cần thiết phải được tẩy sạch bằng cọ lông cứng.

Pha loãng

Sơn sẵn sàng sử dụng sau khi khuấy trộn. Nếu có nhu cầu pha loãng, có thể thêm tối đa 5% với nước ngọt sạch.

Dụng cụ thi công

Cọ/chổi sơn, ru-lô/con lăn hay máy phun sơn nước thông thường .



Thông số kỹ thuật máy phun sơn

Cỡ béc 0.021-0.027"

Góc phun 65-80°

Áp lực tại đầu súng phun 140-190 kg/cm² (2.100 psi).

Bảo quản và vận chuyển

Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo, mát, kết hợp với thông gió tốt, cách xa nguồn nhiệt và thiết bị phát lửa.

Thùng chứa sản phẩm phải được đậy kín.

Đặt thùng sơn vị trí đứng, vận chuyển cẩn thận.

Chứng nhận và giám định

Chứng nhận và giám định quốc tế EFC phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015

Chứng nhận và kiểm nghiệm chất lượng Hợp Chuẩn AQCERT 1320.HC5.AQC.01 TCVN 8652:2020

Chứng nhận và kiểm nghiệm chất lượng Hợp Quy AQCERT 1320.HQ5.AQC.01 QCVN 16:2019/BXD

Trường hợp miễn trừ

Thông tin trong tài liệu này được đưa ra từ những kiến thức tốt nhất của Pigment, dựa trên các thử nghiệm và kinh nghiệm thực tế.

Những sản phẩm Pigment được xem như là bán thành phẩm cho tới khi được thi công tốt trên bề mặt cấu trúc cần bảo vệ.

Tuy nhiên trong thực tế, sản phẩm có thể được sử dụng trong những điều kiện ngoài tầm kiểm soát. Nên Pigment chỉ có thể đảm bảo chất lượng vốn có của sản phẩm.

Sản phẩm có thể được thay đổi nhỏ để phù hợp với yêu cầu của từng vùng miền. Pigment có quyền thay đổi những thông số đã đưa ra mà không cần thông báo.

Người sử dụng phải nên luôn tham khảo những hướng dẫn chuyên biệt cho sự phù hợp của sản phẩm này theo nhu cầu của mình và phương pháp thi công chuyên biệt

